

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HS-PT

Ngày: 31-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 146/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12 ; họ và tên bố: Nguyễn Văn T (đã chết); họ và tên mẹ: Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ 23/01/2017 đến ngày 22/5/2017; hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Văn D - Luật sư thuộc Công ty luật B, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Ông Phạm Văn B - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Trịnh Văn P, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 03/5/2011, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Văn Đ ở Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang chơi, ăn cơm và ngủ nghỉ tại nhà gia đình của Đ. Trong thời gian ở nhà Đ, T rủ Đ tìm ai có tài sản sơ hở chiếm đoạt rồi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Đ đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 ngày 04/5/2011, Đ cùng T đi bộ từ nhà của Đ đến khu vực đường tỉnh lộ 398 thuộc địa phận xã T, huyện Y để quan sát địa hình, đường đi. Khi Đ và T đi bộ đến địa phận thôn Yên Sơn, xã T, huyện Y thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển kiểm soát 98B1-017.84 để bên trong cửa hàng sửa chữa điện thoại di động của anh Trịnh Văn P. Thấy vậy, T bàn với Đ là khi nào trời tối, đường vắng thì mỗi người sẽ sử dụng 01 con dao để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh P, T là người trực tiếp khống chế anh P, Đ làm nhiệm vụ cảnh giới bên ngoài cửa hàng, chiếm đoạt được xe mô tô sẽ mang đến Quảng Ninh bán lấy tiền cùng nhau sử dụng. Đ đồng ý và cùng T về nhà Đ chuẩn bị dao. Sáng ngày 05/5/2011, Đ sử dụng thủ đoạn mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã hỏng của anh trai là Nguyễn Văn V rồi cùng T đi đến cửa hàng của anh P nói dối là sửa chiếc điện thoại này, mục đích là đến quan sát địa hình của cửa hàng và vị trí để xe mô tô của anh P. Đ hẹn anh P đến tối cùng ngày quay lại lấy điện thoại. Do quen biết Đ từ trước nên anh P đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/5/2011, sau khi ăn cơm xong, T và Đ đi bộ đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động của anh P. Khi đi, T mang theo 01 con dao nhọn dài khoảng 23 cm, loại dao gấp bằng kim loại màu trắng, có ốp gỗ màu đỏ sẫm; Đ mang theo 01 con dao nhọn, loại dao bấm dài khoảng 20cm. Khi đến nơi thấy anh P không có ở cửa hàng, Đ và T tiếp tục đi chơi ở gần đó để đợi anh P về. Đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, T và Đ quay lại cửa hàng của anh P, chờ một lúc thì thấy anh P một mình điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter về đến cửa hàng. Anh P mở khóa cửa, nổ máy dắt chiếc xe mô tô vào, rồi dựng xe ở phía trong cửa hàng (đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng ra phía cửa ra vào, xe vẫn còn cài số), T và Đ cũng đi theo anh P vào bên trong cửa hàng. Lúc này, T cất giấu con dao chuẩn bị từ trước trong ống tay áo bên phải đang mặc, còn Đ cất giấu con dao chuẩn bị từ trước ở trong túi quần phía trước bên phải. Đ hỏi anh P đã sửa xong điện thoại chưa. Anh P trả lời chưa sửa xong. Đ bảo anh P cố gắng sửa xong để có điện thoại dùng ngay. Anh P lấy điện thoại ra, ngồi sửa ở bàn. Lúc này khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/5/2011, thấy anh P đang chăm chú sửa điện thoại, không có đề phòng, Đ ngồi ở ghế gần cửa ra vào mục đích để cảnh giới, còn T đi vòng ra phía sau ghế anh P đang

ngồi, dùng tay trái bịt miệng anh P, kéo người anh P vào thành ghế, tay phải cầm con dao gấp chuẩn bị từ trước đâm liên tiếp vào người anh P. Anh P đứng dậy, xoay người, dùng tay trái giữ được con dao đang cầm, bẻ cong lại. Thấy T đang giằng co với anh P, Đ dùng tay phải lấy con dao nhọn, loại dao bấm dài khoảng 20cm trong túi quần ra, đâm một nhát vào bụng của anh P, sau đó cầm dao đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter để lấy chiếc xe này. Đ cầm phần tay lái của xe mô tô dắt lùi ra phía cửa ra vào, nhưng do xe mô tô vẫn còn cài số, nên Đ không dắt được. Trong khi giằng co với T, anh P nhìn thấy Đ dắt xe mô tô của mình nên anh P hô "Cướp". Đ hoảng sợ cầm theo con dao bỏ chạy; T bỏ lại con dao gấp lại cửa hàng anh P chạy theo Đ về phía quốc lộ 1A rồi bỏ trốn.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án, thu giữ 01 con dao nhọn dài 23 cm, loại dao gấp bằng kim loại màu trắng, có ốp gỗ màu đỏ sẫm, phần lưỡi dao dài 10 cm, rộng 0,8 cm và 01 điện thoại di động. Đối với 01 con dao nhọn, Đ sử dụng gây thương tích cho anh P, Đ khai đã làm mất tại thành phố Bắc Ninh, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Thương tích của anh P: Sau khi bị T và Đ dùng dao gây 06 vết thương tích trên người, anh P đã được người dân đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Tại Bản giám định pháp y số 5026/11/GDPY ngày 26/5/2017 của Phòng giám định pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: "anh Trịnh Văn P được xác định tỷ lệ tổn thương là 06%. Các thương tích do vật sắc gây nên, không để lại cố tật, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Mỗi vết thương (6 vết) 1%."

Ngày 07/8/2011, Nguyễn Văn Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú và khai nhận về hành vi cướp tài sản của mình.

Ngày 16/8/2011, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Y định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển kiểm soát 98B1-017.84 của anh P có giá trị là 38.000.000 đồng (đ).

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định truy nã số 13 ngày 31/8/2011; ra Quyết định tách hồ sơ vụ án số 04 ngày 04/11/2011 để tiếp tục điều tra. Đến ngày 09/11/2011, do không xác định được T ở đâu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Văn T.

Ngày 12/01/2012, Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 23/01/2017, Nguyễn Văn T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt truy nã; tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2010, Nguyễn Văn T bị tai nạn giao thông, chấn thương vùng đầu nên bị cáo không nhớ diễn biến hành vi phạm tội của bản thân. Ngày 18/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 56 trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tâm thần đối với Nguyễn Văn T. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 223/KLGD ngày 06/7/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: "Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Nguyễn Văn T có biểu hiện hội chứng

sau chấn động não. Theo phân loại phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F07.2. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Văn T có biểu hiện hội chứng quên thực tồn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F04. Bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Về trách nhiệm dân sự: Năm 2011, anh Trịnh Văn P yêu cầu Đ và T phải bồi thường số tiền là 10.000.000 đ. Gia đình anh Đ đã bồi thường cho anh P số tiền 5.000.000 đ; anh P đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu T và Đ phải bồi thường thêm.

Về vật chứng của vụ án: 01 con dao nhọn, loại dao gấp bằng kim loại màu trắng, có ốp gỗ màu đỏ sẫm, lưỡi dao dài 10 cm, rộng 0,8 cm, tổng chiều dài 23 cm và 01 chiếc điện thoại di động đã được xử lý trong vụ án của Nguyễn Văn Đ. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Đỗ Doanh Tùng sinh năm 1994 là em cùng mẹ khác cha với T cho T mượn. Ngày 16/9/2017, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tùng.

Tại bản cáo trạng số 81/KSĐT ngày 03/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản”. theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra, T khai không nhớ hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, khi được hỏi bị cáo không trả lời, không khai.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của TAND huyện Y đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt T hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2017 đến ngày 22/5/2017 vào thời gian chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 18/7/2018 người đại diện hợp pháp của bị cáo- bà Trần Thị T nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng án treo để có thời gian chữa bệnh và hòa nhập xã hội vì bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi và là người khuyết tật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện hợp pháp của bị cáo- bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Năm 2010 con tôi là Nguyễn Văn T bị tai nạn giao thông chấn thương vùng đầu nên không nhớ diễn biến hành vi phạm tội của bản thân. Trong suốt quá trình điều tra T không có bất kỳ lời khai nào về hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y chỉ

căn cứ vào lời khai duy nhất của đồng phạm Nguyễn Văn Đ để xác định vai trò chủ mưu của T trong vụ án, do vậy không có căn cứ cho rằng T rủ rê, lôi kéo Đ phạm tội “Cướp tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố là không đúng. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng án treo để có thời gian chữa bệnh và hòa nhập xã hội vì bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi và là người khuyết tật. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không nói được do T bị tai nạn giao thông nên bị hạn chế năng lực hành vi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn Đ xác định: Toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm nêu là đúng, đồng ý với bản án sơ thẩm. Anh Đ đã khai nhận, mô tả hành vi anh và bị cáo T cùng bàn bạc, gây thương tích và chiếm đoạt tài sản của anh P. Anh Đ xác định chỉ có anh và bị cáo T cùng thực hiện tội phạm, ngoài ra không còn ai khác. Anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Anh Trịnh Văn P vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm có lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm xác định: Bị cáo T cùng với anh Nguyễn Văn Đ thực hiện hành vi gây thương tích và chiếm đoạt tài sản của anh, tuy nhiên do thời gian đã lâu, hiện bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi nên anh xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, gia đình anh Đ đã bồi thường nên anh không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: □n sơ thẩm xử Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không có lý do chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn D bào chữa cho bị cáo phát biểu bào chữa: Cơ quan điều tra có rất nhiều vi phạm tố tụng, cụ thể: không cho bị cáo T nhận dạng bị cáo Đ ngay khi bị cáo Đ tự thú. Năm 2017 bắt được bị cáo mới tiến hành thủ tục nhận dạng. Bị cáo Đ khai tại cơ quan điều tra: Đ dùng một con dao để đâm anh P, tuy nhiên cơ quan điều tra không truy tìm vật chứng là con dao đó. Khi khám nghiệm hiện trường, thu giữ mẫu vật tại hiện trường, cơ quan điều tra không giám định vết máu, không giám định vân tay, không giám định vết thương để xác định vết thương do con dao nào gây ra vì thu giữ tại hiện trường một con dao, nhưng lời khai của bị cáo Đ là có hai con dao. Không có tài liệu chứng minh T là người rủ rê đi cướp ngoài lời khai của Đ. Kết luận Đ và T cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì không đủ căn cứ buộc tội bị cáo T.

Luật sư Phạm Văn B bào chữa cho bị cáo phát biểu bào chữa: Đồng ý với quan điểm của luật sư đồng nghiệp. Trong hồ sơ mới chỉ có bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 223 ngày 06/7/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không trình bày được gì. Chỉ căn cứ

vào lời khai của anh P và anh Đ để kết luận bị cáo phạm tội là không có đủ căn cứ. Đề nghị hủy án để điều tra lại và giám định lại.

Bị cáo Nguyễn Văn T không trả lời gì.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo- bà Trần Thị T có ý kiến: đồng ý với bài bào chữa của hai vị luật sư.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của hai luật sư: không chấp nhận yêu cầu hủy án để điều tra lại của hai vị luật sư vì: trong quá trình điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát đã phát hiện sai sót đã hủy con dao trong bản án năm 2012, bây giờ giám định lại thì cũng không có vật chứng. Việc cho bị cáo đi giám định tâm thần: thì đã có kết luận giám định pháp y tâm thần số 223 ngày 06/7/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương. Căn cứ vào lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ, người bị hại anh P thì có đủ căn cứ xác định bị cáo T là người khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò tích cực.

Hai vị luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo- bà Trần Thị T đề nghị: Tôi vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và nhất trí quan điểm của hai vị luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Người đại diện hợp pháp của bị cáo- bà Trần Thị T đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt anh Trịnh Văn P và những người làm chứng: Những người này đã có lời khai ở trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

Về việc hai vị luật sư đề nghị hủy án để điều tra lại là không có cơ sở để chấp nhận, lý do: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thì điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo đã được giám định tâm thần tại kết luận pháp y tâm thần số 223 ngày 06/7/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T thì thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, khi được hỏi bị cáo không khai, không trả lời. Căn cứ vào các lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, lời khai của người bị hại anh Nguyễn Văn P, lời khai của người làm chứng và qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 05/5/2011, tại cửa hàng sửa chữa điện thoại di động địa chỉ tại thôn Y, xã T, huyện Y của anh Trịnh Văn P, Nguyễn Văn T có hành vi sử dụng 01 con dao nhọn dài 23 cm, loại dao gấp bằng kim loại màu trắng, có ốp gỗ màu đỏ sẫm cùng Nguyễn Văn Đ (là đồng phạm trong vụ án đã bị xét xử) đã thực hiện hành vi dùng dao, khống chế, đâm gây thương tích đối với anh Trịnh Văn P để chiếm đoạt 01 chiếc moto nhãn hiệu Exciter biển kiểm soát 98B1-017.84 của anh P, nhưng bị anh P chống cự lại hô cướp nên T và Đ bỏ chạy, bỏ lại chiếc xe moto. Trị giá chiếc xe moto T và Đ chiếm đoạt của anh P là 38.000.000 đ.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T thấy:

Đây là vụ án cướp tài sản có đồng phạm nhưng dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, lên kế hoạch và cũng là người thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò tích cực. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 do vậy không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bà T áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo T là người rủ rê lôi kéo, thực hiện tội phạm một cách tích cực, bị cáo dùng dao đâm liên người bị hại đồng thời khống chế người bị hại để cho đồng phạm của mình có thời gian, điều kiện chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần

phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội và phù hợp pháp luật.

Các lý do kháng cáo và nội dung kháng cáo mà người đại diện hợp pháp của bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần bác đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T là bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **07 năm** tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2017 đến ngày 22/5/2017 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm..

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKS, TA, CA huyện Y;
- CC THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung